

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN NGŨ VĂN 8
Năm học 2023-2024

I. MỤC ĐÍCH ĐỀ KIỂM TRA

1. Năng lực

- Đánh giá được mức độ nhận biết và thông hiểu về đặc trưng thể loại trong phân đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK và tri thức tiếng Việt, khả năng diễn đạt, hành văn và cách rút ra ý nghĩa của văn bản thơ Đường luật. Phạm vi kiến thức gồm:

*** Phần Đọc - hiểu:**

- Thể loại thơ thất ngôn bát cú Đường luật.
- Biện pháp tu từ đảo ngữ.

*** Phần viết:**

- Viết bài văn kể lại một chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa hay một danh lam thắng cảnh ở địa phương.
- Rèn luyện kỹ năng diễn đạt, trình bày.

2. Phẩm chất: nhân ái, chăm chỉ.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.
- Cách tổ chức kiểm tra: HS làm bài kiểm tra trong 90 phút.

III. MA TRẬN & BẢNG ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

1. Ma trận

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGŨ VĂN 8

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ Đường luật (thất ngôn bát cú Đường luật).	4 (20%)	0	3 (15%)	1 (10%)	0	2 (15%)	0		60
2	Viết	Kể lại	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40

		một chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa hay một danh lam thắng cảnh ở địa phương em.		(5%)		(20%)		(10%)		(5%)	
Tỉ lệ %			20	5	15	30	0	25	0	5	100
			25%		45%		25%		5%		
Tổng			70%				30%				100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 8

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ Đường luật (thất ngôn bát cú Đường luật).	Nhận biết: - Nhận biết được những dấu hiệu về hình thức để phân biệt các thể thơ: số tiếng trong câu, số câu, tạo nhịp, đối ngẫu. - Nhận biết được đặc điểm ngôn ngữ trong bài thơ. - Nhận biết được hình ảnh và nhân vật trữ tình trong bài thơ. Thông hiểu: - Phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh. - Phân tích được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo của tác giả trong bài thơ. - Xác định được tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản. - Hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ. Vận dụng: - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua bài thơ. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.	4 TN	3 TN, 1TL	2 TL	
2	Viết	Kể lại một	Nhận biết (0,5)	1TL*	1TL*	1TL*	1TL*

	chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa hay một danh lam thắng cảnh ở địa phương em.	- Đảm bảo cấu trúc của bài văn tự sự. - Xác định đúng yêu cầu của đề. Thông hiểu (2,0) - Kể lại một chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa hay một danh lam thắng cảnh ở địa phương em. Vận dụng (1,0) - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt - Sử dụng hiệu quả yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn bản. Vận dụng cao (0,5) - Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.				
Tổng			4 TN	3 TN, 1TL	2 TL	1 TL*
Tỉ lệ %			25%	45%	25%	5%
Tỉ lệ chung			70%		30%	

IV. ĐỀ KIỂM TRA

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CHẠY GIẶC

Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,
Một bàn cờ thế phút sa tay.
Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
Mất ổ bầy chim dáo dác bay.
Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây.
Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng,
Nỡ để dân đen mắc nạn này?

(Ngữ văn 11, tập 1, trang 49, NXB Giáo dục, 2002)

(*) Hiện nay chưa thấy tài liệu nào nói rõ thời điểm ra đời của bài thơ *Chạy giặc*. Căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử, cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu và nhất là nội dung tác phẩm, có người cho rằng bài thơ này đã được tác giả viết ngay sau khi thành Gia Định bị thực dân Pháp bắt đầu tấn công (ngày 17-2-1859).

Bài *Chạy giặc* (có sách ghi là *Chạy Tây*) là một trong những tác phẩm đầu tiên của văn học yêu nước chống Pháp nửa cuối TK XIX.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (0,5 điểm) Bài thơ “*Chạy giặc*” được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật B. Thất ngôn bát cú Đường luật
C. Song thất lục bát D. Lục bát

Câu 2. (0,5 điểm) Bài thơ có mấy cặp câu đối nhau?

- A. Một B. Hai C. Ba D. Bốn

Câu 3. (0,5 điểm) Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

- A. Nhà thơ B. Lũ trẻ C. Nhân dân D. Lũ giặc

Câu 4. (0,5 điểm) Các câu 2,7,8 của bài thơ được ngắt theo nhịp?

- A. 2/2/3 B. 3/2/2 C. 4/3 D. 3/4

Câu 5. (0,5 điểm) Em có nhận xét gì về đặc sắc nghệ thuật của bài thơ “*Chạy giặc*”?

A. Bút pháp tả thực, ngôn ngữ thơ giàu cảm xúc, từ láy, hình ảnh thơ gợi hình gợi cảm kết hợp với các biện pháp tu từ.

B. Thủ pháp nghệ thuật phóng đại được sử dụng hiệu quả, sử dụng thành công biện pháp ẩn dụ.

C. Lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ.

D. Ngôn ngữ thơ bình dị, hình ảnh gợi cảm, giàu màu sắc, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

Câu 6. (0,5 điểm) Chủ đề của bài thơ “*Chạy giặc*” là gì?

A. Thể hiện lòng yêu nước, thương dân, tinh thần trách nhiệm của Nguyễn Đình Chiểu.

B. Thể hiện lòng yêu nước, thương dân, căm thù giặc, quyết báo thù cho dân của Nguyễn Đình Chiểu.

C. Thể hiện tấm lòng yêu nước, thương dân, tinh thần trách nhiệm đối với dân tộc của Nguyễn Đình Chiểu.

D. Thể hiện tinh thần trách nhiệm, thương dân, ý thức dân tộc và tự chủ trong chiến tranh của Nguyễn Đình Chiểu.

Câu 7. (0,5 điểm) Thái độ của nhân vật trữ tình trong bài thơ là gì?

A. Thương người dân vất vả, lam lũ khi đất nước có giặc ngoại xâm; mỉa mai, phê phán triều đình hèn nhát.

B. Lo lắng, đau buồn; bày tỏ sự băn khoăn trước tình cảnh của đất nước khi thực dân Pháp xâm lược.

C. Tiếc nhớ quá khứ vàng son của đất nước; mỉa mai, phê phán triều đình hèn nhát; căm thù giặc ngoại xâm.

D. Đau xót cho người dân, cho vận mệnh đất nước; mỉa mai, phê phán triều đình hèn nhát; căm thù giặc ngoại xâm.

Câu 8. (1,0 điểm) Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,

Mất ổ bầy chim dáo dác bay.

Câu 9. (0,75 điểm) Từ nội dung của bài thơ, em có suy nghĩ gì về cuộc sống người dân trong thời kì đầu khi thực dân Pháp xâm lược?

Câu 10. (0,75 điểm) Qua bài thơ, em hãy bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của hòa bình trong cuộc sống hiện nay?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn kể lại một chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa hay một danh lam thắng cảnh ở địa phương em.

----- Hết -----

V. ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN: NGỮ VĂN 8

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	D	0,5
	8	- Biện pháp tu từ đảo ngữ. - Tác dụng: Nhấn mạnh sự hoang mang, bơ vơ, không nơi nương tựa của nhân dân trong cảnh loạn lạc.	0,5 0,5
	9	GV linh hoạt khi HS nêu được cảm nhận, trình bày hợp lý: - Đau thương, mất mát phủ kín làng quê. - Nhà cửa tan hoang, gia đình lìa xa nhau. - Đồ máu, chết chóc diễn ra ở khắp mọi nơi. - Chịu cảnh thiếu thốn trăm bề...	0,75
	10	GV linh động khi chấm bài, HS có thể nêu các ý: - Người dân có cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc. - Mọi người đều an cư, lập nghiệp. - Đất nước phát triển về mọi mặt, đời sống vật chất, tinh thần ngày một nâng cao. - Thể hiện lòng biết ơn các bậc cha ông đã hy sinh vì đất nước.	0,75
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn tự sự	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại một chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa hay một danh lam thắng cảnh ở địa phương em.	0,25
		c. Kể lại một chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa hay một danh lam thắng cảnh ở địa phương em. - Giới thiệu được lí do, mục đích của chuyến tham quan một di tích lịch sử, văn hóa hay một danh lam thắng cảnh ở địa phương. - Bày tỏ được cảm xúc của người viết.	2,5

		- Kể được diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,...). - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích, danh lam thắng cảnh (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,...). - Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ về chuyến đi. - Sử dụng được yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết.	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt	0,5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo	0,5

BIỂU ĐIỂM DÀNH CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	D	0,5
	8	- Biện pháp tu từ đảo ngữ. - Tác dụng: Nhấn mạnh sự hoang mang, bơ vơ, không nơi nương tựa của nhân dân trong cảnh loạn lạc.	0,5 0,5
	9	GV linh hoạt khi HS nêu được cảm nhận, trình bày hợp lý: - Đau thương, mất mát. - Nhà cửa tan hoang, gia đình lìa xa nhau. - Đồ máu, chết chóc, thiếu thốn...	0,75
	10	GV linh động khi chấm bài, HS có thể nêu các ý: - Người dân có cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc. - Mọi người đều an cư, lập nghiệp. - Đất nước phát triển về mọi mặt, đời sống vật chất, tinh thần ngày một nâng cao. - Thể hiện lòng biết ơn các bậc cha ông đã hy sinh vì đất nước.	0,75
II		VIẾT HS viết được bài văn đảm bảo yêu cầu của đề.	4,0

VI. KIỂM TRA LẠI ĐỀ